

Bản án số: 97/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 19-8-2019  
V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thiều
2. Ông Nguyễn Tuyển

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Ngọc T, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp 2, xã b, huyện g, tỉnh T (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh T (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị T trình bày:* chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn; trong quá trình sống chung đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T nhậu nhẹt suốt ngày trong thời gian dài, sau khi nhậu xong về nhà kiểm chuyện chửi bới đánh đập, không lo lắng cho gia đình. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T, con chung có 02 người tên Trần Thị Thu Trang, sinh năm 1994 và Trần Thị Bích Trinh, sinh ngày 02-02-2001 đã thành niên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung xin rút lại yêu cầu không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh T thừa nhận lời trình bày của chị T về ngày tháng năm chung sống, về con chung, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là đúng. Anh T

cũng thừa nhận chung sống với chị T từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: Chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình sống chung thì phát sinh mâu thuẫn nên chị T làm đơn yêu cầu giải quyết. Do chị T và anh T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị T và anh T là vợ chồng.

+ Về con chung: có 02 người tên Trần Thị Thu Trang, sinh năm 1994 và Trần Thị Bích Trinh, sinh ngày 02-02-2001 đã thành niên đề nghị không giải quyết.

+ Tài sản chung: chị T rút lại yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định. Chị T và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; quá trình sống chung với nhau đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, nguyên nhân do anh T nhậu nhẹt suốt ngày sau đó về kiểm chuyện chửi bới, đánh đập chị, bỏ mặc công việc gia đình cho một mình chị lo liệu. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này*". Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị T và anh T là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2] Về con chung: đã thành niên chị T và anh T không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: chị T rút lại yêu cầu. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[4] Về án phí: chị Võ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Võ Ngọc T và anh Trần Văn T là vợ chồng.

**2.** Về con chung: gồm Trần Thị Thu Trang, sinh năm 1994 và Trần Thị Bích Trinh, sinh ngày 02-02-2001 đã thành niên không giải quyết.

**3.** Về tài sản chung: đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Võ Ngọc T về việc yêu cầu chia tài sản chung.

**4.** Về án phí: chị Võ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp 15.300.000 đồng theo biên lai thu số 0009442 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Hoàn trả cho chị Võ Ngọc T 15.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKý kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**